

Nội dung bài viết

1. [Bài 1 trang 60 Tập bản đồ Địa Lý 12:](#)
2. [Bài 2 trang 61 Tập bản đồ Địa Lý 12:](#)

Bài 1 trang 60 Tập bản đồ Địa Lý 12:

Từ số liệu ở bảng 34 của bài 34 trong SGK Địa lí 12, em hãy:

Lời giải:

Tính tốc độ tăng trưởng của các chỉ số đã cho trong bảng 34 và điền tiếp vào bảng dưới đây.

Tốc độ tăng trưởng các chỉ số của đồng bằng sông Hồng và của cả nước (%)

Chỉ số	Đồng bằng sông Hồng		Cả nước	
	1995	2005	1995	2005
Số dân	100	111.7	100	115.4
Diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt	100	109.3	100	114.4
Sản lượng lương thực có hạn	100	122.1	100	151.6
Bình quân lương thực có hạt/người	100	109.4	100	131.4

So sánh tốc độ tăng trưởng của các chỉ số nêu trên giữa đồng bằng sông Hồng với cả nước.

- Đồng bằng sông Hồng có tốc độ tăng dân số là 111,7%, thấp hơn cả nước (115,4%)
- Tốc độ tăng diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt của đồng bằng sông Hồng rất thấp, chỉ đạt 109,3% trong khi cả nước là 114,4%.
- Sản lượng lương thực tăng chậm hơn so với cả nước (122,1% < 151,6%).
- Bình quân lương thực có hạt cũng tăng chậm hơn cả nước (109,4% < 131,4%).

Làm rõ mối quan hệ giữa dân số và sản xuất lương thực ở đồng bằng sông Hồng.

- Đồng bằng sông Hồng là vùng tập trung dân số lớn của cả nước, chiếm tới 21,7% (năm 2005). Tốc độ tăng dân số khá nhanh so với cả nước (năm 2005 là 111,7%).

- Tuy nhiên, các chỉ số về sản xuất lương thực của vùng có xu hướng giảm trong giai đoạn 1995 – 2005.

- Nguyên nhân là do sức ép của dân số, các thiên tai như bão, lũ, hạn hán...

Bài 2 trang 61 Tập bản đồ Địa Lý 12:

Cho bảng số liệu, hãy tính và điền tiếp vào bảng sau:

Lời giải:

Tính sản lượng lúa cả năm bình quân theo đầu người của từng tỉnh, thành phố trong vùng năm 2008 (điền số liệu đã tính vào cột trống trong bảng trên).

Tỉnh, thành phố	Dân số (nghìn người)	Sản lượng lúa (nghìn tấn)	Bình quân đầu người(kg)	Tỉnh, thành phố	Dân số (nghìn người)	Sản lượng lúa (nghìn tấn)	Bình quân đầu người(kg)
Hà Nội	6.381,6	1.177,8	185,0	Thái Bình	1.782,7	1.105,2	620,0
Vĩnh Phúc	993,8	301,5	303,0	Hà Nam	786,9	416,3	529,0
Bắc Ninh	1.018,1	440,3	432,0	Nam Định	1.826,1	929,0	509,0
Hải Dương	1.700,8	757,7	445,0	Ninh Bình	898,1	467,9	521,0
Hải Phòng	1.824,1	475,9	261,0	Cả vùng	18.338,6	6586,1	359,0
Hưng Yên	1.126,2	514,5	457,0	Cả nước	85.122,3	38.729,8	455,0

Nhận xét sản lượng lúa cả năm bình quân theo đầu người giữa các tỉnh, thành phố.

- Các tỉnh có bình quân lúa cả năm cao hơn cả nước và trên 500 kg/người là: Thái Bình (cao nhất với 620kg/người), Hà Nam (529), Ninh Bình (521), Nam Định (509)

- Tiếp đến là Hưng Yên (457kg/người), xấp xỉ bằng cả nước.

- Các tỉnh có bình quân thấp hơn cả nước là Hải Dương (445), Bắc Ninh (432), Vĩnh Phúc (301,5), thấp nhất là Hà Nội (185,0).

Giải thích vì sao đồng bằng sông Hồng là vựa lúa lớn thứ hai của Việt Nam mà bình quân lúa theo đầu người của vùng lại thấp hơn nhiều so với mức trung của cả nước.

- Mặc dù sản lượng lúa lớn thứ hai cả nước nhưng do dân số đông đúc, tập trung với mật độ dân số cao nên gây sức ép lớn đối với lương thực của vùng.